

MỘT SỐ GIẢI PHÁP GIÚP SINH VIÊN NĂM NHẤT CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG QUỐC PHÁT ÂM THANH MẪU DỄ HƠN TẠI PHÂN HIỆU ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN TẠI TỈNH LÀO CAI

Giảng Thị Mai, Trần Thị Minh Thúy
Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Lào Cai

Tóm tắt: Bài viết nghiên cứu trên cơ sở khảo sát những khó khăn sinh viên năm thứ nhất chuyên ngành ngôn ngữ tiếng Trung Quốc học phát âm thanh mẫu gặp phải, từ đó đề ra những giải pháp giúp sinh viên học phát âm dễ dàng hơn và hiệu quả hơn, nhằm nâng cao khả năng giao tiếp nghe và nói tiếng Trung Quốc.

Từ khóa: Giải pháp, sinh viên, tiếng Trung Quốc, thanh mẫu, Lào Cai.

SOME SOLUTIONS TO HELP FIRST-YEAR STUDENTS MAJORING IN CHINESE PRONOUNCE INITIAL SOUNDS MORE EASILY AT THAI NGUYEN UNIVERSITY – LAO CAI BRANCH

Giảng Thị Mai, Tran Thi Minh Thuy
Thai Nguyen University – Lao Cai Branch

Abstract: This paper is based on a survey of the difficulties encountered by first-year students majoring in Chinese language when learning to pronounce initial sounds. It proposes several solutions to make the learning process easier and more effective, thereby improving students' listening and speaking skills in Chinese.

Keywords: Solutions, students, Chinese language, initial sounds, Lao Cai.

Nhận bài: 22/04/2025

Phản biện: 20/05/2025

Duyệt đăng: 25/05/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong quá trình giảng dạy và nghiên cứu hệ thống ngữ âm tiếng Trung Quốc và tiếng Việt (tiếng mẹ đẻ) có nhiều âm vị khác nhau đặc biệt là thanh mẫu. Vì vậy sinh viên Việt Nam nói chung, sinh viên Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Lào Cai nói riêng học phát âm thanh mẫu gặp không ít khó khăn đó là:

Ngữ âm tiếng Trung Quốc có phụ âm đầu (thanh mẫu), vần (vận mẫu), thanh điệu phức tạp. Đối với sinh viên năm nhất chuyên ngành ngôn ngữ tiếng Trung Quốc, việc nắm vững phát âm chuẩn ngay từ giai đoạn nhập môn có ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực nghe, nói và trình độ ngôn ngữ tổng thể sau này. Tuy nhiên, nhiều sinh viên gặp khó khăn ở các mức độ khác nhau khi học phát âm thanh mẫu tiếng Trung, từ đó phát sinh trở ngại trong việc nghe hiểu và diễn đạt bằng lời nói. Nguyên nhân do: sự khác biệt rõ rệt giữa hệ thống âm vị tiếng Việt và tiếng Trung khiến sinh viên gặp không ít thách thức trong việc học phát âm thanh mẫu. khó phân biệt các âm đầu có cách phát âm gần giống nhau (ví dụ: phụ âm hữu thanh – vô thanh, âm bật hơi – không bật hơi), phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ, hoặc thiếu kỹ năng điều tiết khẩu hình và xác định đúng vị trí phát âm. Những khó khăn này không chỉ cản trở

quá trình học phát âm mà còn ảnh hưởng đến hứng thú và sự tự tin của người học.

Trên cơ sở đó, bài viết này tập trung phân tích những khó khăn và đưa ra một số giải pháp chủ yếu mà sinh viên năm nhất chuyên ngành tiếng Trung gặp phải trong quá trình học phát âm thanh mẫu.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Đặc điểm ngữ âm tiếng Trung Quốc

Hệ thống ngữ âm trong tiếng Trung quốc là các âm thanh của ngôn ngữ tự nhiên, bao gồm cách âm được tạo ra, truyền đạt và tiếp nhận. Trong tiếng Trung Quốc, ngữ âm chủ yếu bao gồm thanh mẫu (声母), vận mẫu (韵母), và thanh điệu (声调), đây là ba yếu tố cấu thành âm tiết tiếng Trung. Theo Trần Trung Nghĩa (陈中义, 2003), trong cuốn 现代汉语语音教程 (Giáo trình Ngữ âm tiếng Hán hiện đại):

“Thanh mẫu là phần phụ âm đứng đầu trong một âm tiết. Tiếng Hán có 21 thanh mẫu và 2 phụ âm không chính thức, bao gồm: b, p, m, f, d, t, n, l, g, k, h, j, q, x, z, c, s, zh, ch, sh, r. Dựa vào cách phát âm của các phụ âm trong tiếng Hán, thanh mẫu có thể được chia thành bảy vị trí phát âm như sau:

Âm môi môi: (còn gọi là phụ âm hai môi) là những phụ âm được phát ra khi hai môi trên và dưới tiếp xúc hoặc gần nhau. Trong tiếng Phổ

thông, các âm hai môi phổ biến gồm: [b], [p] và [m]. Khi phát âm những âm này, cơ quan phát âm chủ yếu dựa vào hai môi.

Âm đầu lưỡi giữa: là những phụ âm được phát ra khi đầu lưỡi tiếp xúc hoặc gần phần giữa của lợi trên. Trong tiếng Phổ thông, các thanh mẫu thuộc loại này gồm: d, t, n, l. Vị trí phát âm của chúng nằm giữa âm đầu lưỡi trước (z, c, s) và âm đầu lưỡi sau (zh, ch, sh, r).

Âm gốc lưỡi: là những phụ âm được phát ra khi phần sau của mặt lưỡi tiếp xúc hoặc gần với vòm mềm (phần sau của vòm miệng). Trong tiếng Phổ thông, các âm này gồm: g, k, h. Ví dụ: “哥” (gē), “可” (kě), “喝” (hē).

Âm mặt lưỡi: là những âm được phát ra khi phần giữa của mặt lưỡi tiếp xúc hoặc gần với vòm cứng hoặc vòm mềm. Trong tiếng Phổ thông, các âm mặt lưỡi phổ biến gồm: [j] (như trong “鸡”), [q] (như trong “七”), [x] (như trong “西”).

Âm đầu lưỡi trước: là những phụ âm được phát ra khi đầu lưỡi tiếp xúc hoặc gần mặt sau của răng trên hoặc phần lợi. Trong tiếng Phổ thông, các âm đầu lưỡi trước thường gặp gồm: [z], [c], [s]. Ví dụ: các thanh mẫu trong “字” (zì), “次” (cì), “四” (sì) đều là âm đầu lưỡi trước.

Âm đầu lưỡi sau: là những âm được phát ra khi mặt lưỡi gần với phần sau của vòm cứng. Ví dụ: /zh/, /ch/, /sh/, /r/.

2.2. Những khó khăn chính mà sinh viên gặp phải trong quá trình học thanh mẫu

Dựa trên kết quả khảo sát và kiểm tra sinh viên năm nhất khoa các khoa học liên ngành, Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Lào Cai, phần lớn sinh viên gặp phải các khó khăn điển hình sau trong quá trình học thanh mẫu tiếng Trung:

2.2.1. Khó phân biệt âm hữu thanh và vô thanh

Mặc dù hệ thống thanh mẫu của tiếng Trung phổ thông hiện đại chủ yếu bao gồm các âm vô thanh, nhưng một số âm bật hơi và không bật hơi lại dễ bị sinh viên Việt Nam nhầm lẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do trong tiếng Việt không tồn tại hệ thống đối lập hữu thanh – vô thanh tương ứng với tiếng Trung, khiến sinh viên thường căn cứ vào thói quen tiếng mẹ đẻ để phán đoán đặc điểm phát âm, dẫn đến lỗi sai khi phát âm.

Ví dụ: Nghe nhầm “d” và “zh” trong tiếng Hán là âm hữu thanh, vì trong tiếng Việt, các âm /d/, /

gi/ và /zh/ khá gần nhau về thính giác; âm “b” và “p”, đặc biệt là khó phân biệt bằng tai giữa âm bật hơi và không bật hơi; âm “z” và “j” là cùng một âm vì trong tiếng Việt không có sự phân biệt rõ ràng.

Sự nhầm lẫn này không những ảnh hưởng đến khả năng nhận biết âm thanh mà còn dễ dẫn đến lỗi phát âm, làm giảm độ chính xác trong diễn đạt và hiệu quả giao tiếp.

2.2.2. Khó phân biệt âm bật hơi và không bật hơi

Hệ thống âm này sinh viên gặp khó khăn nhất trong quá trình phát âm. Mặc dù trong tiếng Việt cũng tồn tại hiện tượng bật hơi, nhưng không rõ ràng và có hệ thống như trong tiếng Trung. Vì vậy, sinh viên thường không thể cảm nhận chính xác hành động và cảm giác “bật hơi”. Các lỗi thường gặp bao gồm:

Phát âm “p” thành “b”, thiếu lực bật cần thiết;

Phát âm “k” thành “g”, luồng khí không rõ ràng;

Phát âm “t” thành “d”, thiếu độ bật, âm yếu.

Nguyên nhân: Khả năng kiểm soát cơ phát âm yếu: Sinh viên Việt Nam quen với cách phát âm của tiếng mẹ đẻ, khi nói tiếng Hán thì vị trí lưỡi, môi, dây thanh âm phối hợp không nhịp nhàng, thiếu lực; Ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ: Sự khác biệt lớn giữa hệ thống phụ âm tiếng Việt và tiếng Trung, đặc biệt là về hiện tượng bật hơi, khiến sinh viên vô thức áp dụng quy tắc của tiếng mẹ đẻ vào tiếng Hán.

2.2.3. Dễ nhầm lẫn âm đầu lưỡi sau và âm đầu lưỡi trước

Nhiều sinh viên thường nhầm lẫn khi học âm uốn lưỡi như “zh, ch, sh” và các âm đầu lưỡi trước như “z, c, s”. Nguyên nhân chính là do tiếng Việt không có hệ thống âm uốn lưỡi tương ứng, khiến sinh viên thiếu khả năng kiểm soát vị trí đầu lưỡi khi phát âm.

2.2.4. Ảnh hưởng mạnh từ tiếng mẹ đẻ, đặc biệt là lỗi phát âm âm “r”

Âm “r” trong tiếng Trung có cách phát âm phức tạp, vị trí phát âm lùi về sau, cần kiểm soát đầu lưỡi nhất định, điều này gây khó khăn cho người học tiếng Hán là người Việt. Kết quả khảo sát cho thấy, phần lớn sinh viên phát âm “r” thành âm gần giống trong tiếng Việt như [z] hoặc [ʒ], dẫn đến

phát âm không chuẩn, thậm chí gây sai lệch nghĩa.

2.2.5. Thời lượng luyện phát âm trên lớp bị hạn chế

Do thời gian giảng dạy có hạn, giáo viên thường ưu tiên nhiều hơn cho việc giảng từ vựng và ngữ pháp, khiến luyện phát âm bị giảm sút hoặc bỏ qua. Sinh viên không có đủ cơ hội luyện tập và phản hồi kịp thời, dẫn đến kỹ năng phát âm phát triển chậm. Việc dạy phát âm nên được phân bổ thời lượng hợp lý, đặc biệt ở giai đoạn sơ cấp, cần tạo nhiều cơ hội luyện nghe – nói cho sinh viên.

2.2.6. Sinh viên thiếu phương pháp tự sửa lỗi hiệu quả

Nhiều sinh viên không biết cách luyện phát âm ngoài lớp, không có công cụ kiểm tra hay sửa lỗi, phụ thuộc vào phản hồi của giáo viên, thiếu ý thức và khả năng tự học. Do thiếu thiết bị như máy ghi âm hoặc phần mềm đánh giá, sinh viên khó tự phát hiện lỗi của mình.

2.2.7. Khó khăn khi phát âm các âm uốn lưỡi

Các âm “zh, ch, sh, r” thuộc nhóm âm đầu lưỡi sau (âm uốn lưỡi), khi phát âm cần nâng đầu lưỡi và hơi uốn cong, tiếp cận hoặc chạm nhẹ phần trước vòm cứng – kiểu phát âm này không tồn tại trong tiếng Việt. Vì vậy, những âm này rất xa lạ đối với sinh viên Việt Nam và gây khó khăn cả trong phân biệt lẫn mô phỏng.

Các lỗi phát âm thường gặp:

Phát “zh” thành “z”, không có động tác uốn lưỡi, âm tiết trở nên bằng phẳng;

Phát “ch” thành “tr” hoặc “t” vì không hiểu rõ đặc điểm kép: bật hơi + uốn lưỡi;

Phát “sh” thành “s”, làm mất đi âm sắc nặng và đục;

Phát “r” thành “l” hoặc “d”, thường xảy ra trong khẩu ngữ, khiến nghĩa mơ hồ.

2.2.8. Thiếu tự tin và động lực trong phát âm

Ngoài các vấn đề kỹ thuật, nhiều sinh viên còn gặp rào cản tâm lý trong quá trình học phát âm tiếng Hán – điều này thường bị xem nhẹ. Một số sinh viên ngay từ đầu đã cảm thấy sợ hãi, chần chừ như “ngại mở miệng”, “sợ phát âm sai”, “sợ bị bạn bè chê cười”, “lo giáo viên chỉ lỗi sai”. Những cảm xúc tiêu cực này làm giảm sự tham gia trong lớp, biểu hiện như: không dám trả lời, thụ động trong luyện khẩu ngữ, Thiếu cơ hội luyện tập lâu dài khiến lỗi phát âm tích tụ, khó sửa, tạo thành

vòng luẩn quẩn.

Nguyên nhân: Tự ti, sợ xấu hổ, thiếu phản hồi tích cực, môi trường học tập thiếu bao dung, ảnh hưởng văn hóa.

2.3. Một số giải pháp giúp sinh viên học phát âm thanh mẫu tốt hơn

2.3.1. Tăng cường dạy học đối chiếu giữa tiếng mẹ đẻ và tiếng Hán

Một trong những rào cản lớn nhất đối với sinh viên Việt Nam là sự khác biệt trong hệ thống thanh mẫu giữa tiếng Việt và tiếng Trung. Giáo viên nên bắt đầu từ hai khía cạnh sau:

So sánh vị trí và cách phát âm: Thông qua hình ảnh minh họa hoặc video phát âm để giúp học sinh hiểu rằng các âm “zh/ch/sh” là âm đầu lưỡi sau và cần uốn lưỡi, còn các âm “z/c/s” là âm đầu lưỡi trước;

Luyện tập so sánh thực tế: Tổ chức luyện tập lặp đi lặp lại các âm tiết cặp đôi như “zhā/zā”, “chī/cī” để giúp sinh viên hình thành ranh giới âm vị rõ ràng.

Đối với những âm khó bị ảnh hưởng nhiều bởi tiếng mẹ đẻ, có thể kết hợp dạy học bằng video, phần mềm phân tích âm thanh để hướng dẫn sinh viên mô phỏng phát âm chuẩn và phân tích đối chiếu, từng bước điều chỉnh lỗi sai.

2.3.2. Hướng dẫn sinh viên phân biệt âm bật hơi và không bật hơi

Trong giảng dạy, cần sắp xếp các bài luyện tập so sánh âm bật hơi và không bật hơi, thông qua đọc theo cặp, nghe và đọc theo băng ghi âm, sử dụng mẫu giấy để kiểm tra luồng hơi...

Luyện cảm giác phát âm: Sử dụng “phương pháp mẫu giấy” để sinh viên quan sát xem giấy có bị thổi bay khi phát âm hay không, từ đó hình thành cảm giác về âm bật hơi;

Luyện phân biệt âm qua cặp từ: Tổ chức luyện tập phân biệt các cặp từ như “bā/pā”, “dōu/tōu” để tăng cường ghi nhớ;

Luyện ghi âm và nghe lại: Sau khi đọc, sinh viên tự nghe lại phần ghi âm để đánh giá việc bật hơi và nâng cao khả năng điều chỉnh của bản thân.

2.3.3. Nâng cao độ chính xác khi phát âm âm “r”

Âm “r” là một trong những âm khó phát âm nhất đối với sinh viên Việt Nam do vị trí và cách phát âm khác biệt so với các âm tương ứng trong

tiếng Việt, dễ dẫn đến phát âm sai, ảnh hưởng đến hiệu quả giao tiếp. Việc giảng dạy có thể bắt đầu từ:

Tăng cường nhận thức vị trí phát âm: Giải thích âm “r” là âm đầu lưỡi sau, có cảm giác rung nhẹ do ma sát, hướng dẫn sinh viên nhận biết đúng vị trí và trạng thái phát âm;

Luyện so sánh phân biệt: So sánh âm “r” với “l”, ví dụ qua cặp từ như “老师 – 认识”, “热 – 乐”, tăng cường khả năng phân biệt qua thính giác;

Luyện cơ miệng: Sử dụng các câu luyện lưỡi như “热热热、热情热烈、忍热热” để tăng tính linh hoạt và độ chính xác khi phát âm;

Ghi âm và nghe lại: Học sinh tự ghi âm bài đọc của mình và nghe lại sau giờ học để tự đánh giá, nâng cao khả năng tự điều chỉnh;

Luyện tập trước gương: Khuyến khích sinh viên luyện phát âm trước gương để tăng cường trí nhớ cơ miệng.

Thông qua luyện tập đa dạng và có hệ thống, có thể nâng cao đáng kể khả năng phân biệt và kiểm soát âm “r”, từ đó giảm thiểu lỗi phát âm.

2.3.4. Làm phong phú hình thức luyện phát âm trong lớp

Việc dạy phát âm truyền thống thường mang tính đơn chiều (giáo viên giảng – học sinh nghe), nội dung đơn điệu khiến học sinh ít hứng thú, khả năng tiếp thu phát âm yếu. Để nâng cao hiệu quả và sự hứng thú, giáo viên có thể:

Tổ chức học theo nhóm: Chia nhóm để luyện đọc, thi bắt chước, chơi trò chơi nói âm,... giúp tăng tính chủ động;

Kết hợp yếu tố trò chơi: Thiết kế trò chơi như “nghe âm tìm từ”, “nối chuỗi thanh mẫu”, tạo môi trường học tập vui vẻ;

Ứng dụng tài nguyên đa phương tiện: Sử dụng âm thanh chuẩn, video, hoạt hình phát âm... để hỗ trợ cả nghe lẫn nhìn;

Diễn tập ngẫu nhiên trong lớp: Bổ sung các phần luyện phản xạ nhanh, nhận diện âm, giúp sinh viên ứng dụng nhanh;

Khuyến khích tự phản tỉnh sau giờ học: Cuối mỗi buổi học, học sinh ghi lại “nội dung luyện hôm nay + âm dễ sai + cách cải thiện”, tạo thành vòng tròn học tập khép kín.

Các hình thức luyện tập đa dạng không chỉ tăng hứng thú học mà còn mở rộng và nâng cao

hiệu quả rèn luyện phát âm.

2.3.5. Khuyến khích sinh viên tự học và tự sửa phát âm sau giờ học

Do thời lượng trên lớp có hạn, nên việc tự học và tự sửa phát âm sau giờ là vô cùng quan trọng. Giáo viên nên hướng dẫn sinh viên luyện tập hiệu quả:

Sử dụng phần mềm nhận diện và phản hồi giọng nói: Như “汉语拼音助手”, “Speechling” giúp sinh viên luyện đọc và sửa lỗi với phản hồi tức thì;

Thành lập nhóm học hỗ trợ: Mời sinh viên khóa trên hoặc có năng lực tốt làm nhóm trưởng để tổ chức đọc nhóm, sửa lỗi, đánh giá phát âm;

Lập kế hoạch học và theo dõi tiến độ: Học sinh tự đặt mục tiêu, định kỳ ghi âm và so sánh với chuẩn, tạo hồ sơ học tập để theo dõi tiến bộ;

Đa dạng hóa nguồn luyện tập: Xem video dạy phát âm, bắt chước lời thoại phim, đọc theo podcast,... để tiếp xúc âm chuẩn trong môi trường thực tế;

Khuyến khích tự phản tỉnh: Viết nhật ký học phát âm hàng tuần, ghi lại lỗi phát âm, cách cải thiện và thành quả, chia sẻ trong lớp hoặc nhóm học.

Luyện tập bền bỉ sau giờ học kết hợp với hướng dẫn khoa học sẽ giúp sinh viên hình thành thói quen học tốt, nâng cao độ chính xác và trôi chảy trong phát âm.

2.3.6. Đề xuất phát triển chuyên môn cho giáo viên

Trình độ giảng dạy phát âm của giáo viên ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả học tập của học sinh. Để giảng dạy tốt hơn cho sinh viên có nền tảng ngôn ngữ khác biệt, giáo viên cần:

Tích cực tham gia bồi dưỡng chuyên môn: Thường xuyên tham dự các khóa đào tạo, hội thảo về dạy tiếng Hán như ngoại ngữ;

Hệ thống hóa kiến thức ngữ âm: Nắm chắc hệ thống ngữ âm tiếng Hán hiện đại, hiểu rõ nguyên tắc phát âm, đặc biệt là sự khác biệt với tiếng Việt;

Thành thạo kỹ năng phân tích và chẩn đoán ngữ âm: Biết sử dụng phần mềm phân tích âm thanh như GoldWave, Audacity... để định lượng lỗi phát âm của học sinh;

Xây dựng hồ sơ ngữ âm cá nhân cho học sinh: Ghi chép tiến trình phát âm và lỗi phổ biến để có

phản hồi và hướng dẫn cá nhân hóa;

Thực hành phản tỉnh và trao đổi kinh nghiệm giảng dạy: Viết nhật ký dạy học, rút kinh nghiệm, trao đổi với đồng nghiệp để liên tục cải tiến phương pháp.

Phát triển chuyên môn sẽ giúp giáo viên xử lý tốt hơn các vấn đề trong dạy phát âm, nâng cao chất lượng giảng dạy và sự hài lòng của học sinh.

III. KẾT LUẬN

Sinh viên năm nhất của Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại Lào Cai gặp nhiều khó khăn trong quá trình học thanh mẫu tiếng Hán đó là:

Các lỗi phát âm không chỉ nằm ở một số âm tiết riêng lẻ mà còn phản ánh sự khác biệt sâu sắc giữa hệ thống âm vị, thói quen và cơ chế ngữ âm của tiếng Việt và tiếng Hán.

Vì vậy, giảng dạy phát âm không thể chỉ dừng lại ở việc mô phỏng và luyện tập lặp lại mà cần có thiết kế bài giảng khoa học, phương pháp luyện tập hệ thống và bồi dưỡng khả năng cảm nhận – phân biệt âm của sinh viên.

Giáo viên cần cải tiến từ ba mặt: nội dung, phương pháp và chiến lược, vừa tăng cường nhận thức và phân biệt âm dễ sai, vừa cung cấp đủ cơ hội luyện tập trong và ngoài lớp. Đồng thời giúp học sinh xây dựng khả năng giám sát và sửa lỗi cho bản thân, hình thành sự tự chủ và bền bỉ trong học phát âm. Các đề xuất của bài viết này nhằm nâng cao hiệu quả và độ chính xác khi học thanh mẫu, đặt nền tảng vững chắc cho sự tiến bộ tổng thể về phát âm tiếng Hán của sinh viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Thị Mai (2018), *Các khó khăn trong việc học phát âm tiếng Trung của sinh viên Việt Nam*, Tạp chí Ngôn ngữ học.
- [2] Lưu Thị Mai (2015), *Phân tích lỗi phát âm thanh mẫu tiếng Hán của người Vi*
- [3] Trần Trung Nghĩa (2003). *Giáo trình Ngữ âm tiếng Hán hiện đại*. Bắc Kinh: Nhà xuất bản Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh.
- [4] Lý Tuyết (2007). *Nghiên cứu nguyên nhân sai lệch phát âm thanh mẫu và chiến lược chỉnh sửa*, Tạp chí Giảng dạy tiếng Hán trên thế giới.
- [5] Lý Na (2012). *Nghiên cứu lỗi sai trong quá trình tiếp thu thanh mẫu của người học tiếng Hán trình độ sơ cấp tại Thái Lan (Luận văn Thạc sĩ)*, Đại học Sư phạm Quảng Tây.
- [6] Smith (2004). *So sánh ngữ âm và giảng dạy tiếng Hán cho người nước ngoài*, Nhà xuất bản Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh.